

Số: 79 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2022

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND

TỈNH GIA LAI

Số: 3500

Về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022.

ĐẾN Ngày: 16/6/2022

Chuyển: I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng đầu năm 2022.  
Số và ký hiệu H9

## BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022.

Số: 3500

Ngày: 16/6/2022

Chuyển: I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng đầu năm 2022.

Số và ký hiệu H9

### 1. Về thu NSNN trên địa bàn (phụ lục 01 kèm theo).

Trong năm 2022, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 5.415 tỷ đồng, tăng 18,95% so với dự toán năm 2021. Dự toán được HĐND tỉnh thông qua là 5.827 tỷ đồng, tăng 15,45% so dự toán năm 2021.

Thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2022 là 3.056 tỷ đồng, đạt 56,4% dự toán Trung ương giao, đạt 52,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 85,6% so với cùng kỳ. Cụ thể:

#### 1.1. Thu nội địa:

Thực hiện 6 tháng đầu năm là 3.024 tỷ đồng (bao gồm thu xổ số kiến thiết), đạt 60,5% dự toán Trung ương giao, đạt 55,9% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12,4% so với cùng kỳ.

#### Một số khoản thu đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao (11/15 khoản):

(1) Thu từ DN NN Trung ương: Thực hiện 430 tỷ đồng, đạt 57,7% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân: (1) Sản lượng phát điện của các công ty thủy điện lũy kế kỳ kê khai 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 3.883 trkWh, tăng 6,9% so với cùng kỳ (3.883 trkWh/3.631 trkWh); số thuế các công ty thủy điện đã nộp lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 235 tỷ đồng, tăng 5% so cùng kỳ (235 tỷ đồng/224 tỷ đồng)<sup>1</sup>; (2) Ngoài ra, số nộp các công ty cao su tăng so với cùng kỳ: Công ty TNHH MTV 74 ước tăng 10,6 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Cao su Chu Păh ước tăng 7,1 tỷ đồng;...

(2) Khoản thu từ DN NN địa phương: Thực hiện 27 tỷ đồng, đạt 54% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

(3) Khoản thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện 100 tỷ đồng, đạt 250% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 43,6% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài cung cấp, lắp ráp máy móc thiết bị cho dự án điện gió<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty Cổ phần ước tăng 8,9 tỷ; Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ ước tăng 1,7 tỷ; Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh ước tăng 3,1 tỷ, Công Ty cổ phần Thuỷ Điện Cần Đơn ước tăng 1,8 tỷ.

<sup>2</sup> Công ty China Energy Engineering Group Zhejiang Thermal Power Construction Co., Ltd - dự án Chợ Long nộp 10 tỷ (cùng kỳ năm trước không phát sinh); Công ty China Energy Engineering Group Zhejiang Thermal

(4) Thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Thực hiện 718 tỷ đồng, đạt 59,3% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: (1) Sản lượng phát điện các công ty thủy điện lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 đạt 343 trkWh, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 450 trkWh, tăng 31,1% so với cùng kỳ; số thuế ước tăng 30 tỷ đồng so cùng kỳ; (2) Một số doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng so với 6 tháng đầu năm 2021, như: Công ty Điện Gia Lai ước tăng 20 tỷ đồng so cùng kỳ (phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng dự án thủy điện Ayun Hạ); một số dự án được ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đã nộp thuế phát sinh của năm 2021 để các năm sau được miễn trọn năm ước khoảng 30 tỷ đồng; (3) Các đơn vị xây dựng cuối năm trước chuyển sang: Công ty TNHH Công trình xây dựng điện lực An Huy 2 Việt Nam - Tập đoàn xây dựng năng lượng Trung Quốc nộp 16,7 tỷ đồng (huyện Ia Grai); Công ty cổ phần xây lắp điện I nộp 4,8 tỷ đồng (huyện Chư Prông); Công ty TNHH Sungrow Power (Việt Nam) nộp 7,4 tỷ (huyện Chư Puh);...

(5) Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện là 155 tỷ đồng, đạt 67,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 19,8% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu tăng chuyển nhượng đất đai, ô tô, xe máy (gồm: lệ phí trước bạ nhà đất thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 nộp 13,9 tỷ đồng, ước thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 nộp 35 tỷ đồng, ước tăng 21,1 tỷ đồng; lệ phí trước bạ ô tô, xe máy thực hiện lũy kế tháng đầu năm 2021 nộp 91 tỷ đồng, ước thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 nộp 100 tỷ đồng, ước tăng 9 tỷ đồng).

(6) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 3 tỷ đồng, đạt 50% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 6,3% so với cùng kỳ.

(7) Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 280 tỷ đồng, đạt 101,8% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 55,9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu chủ yếu tăng từ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản (lũy kế 6 tháng 2021 là 55,6 tỷ đồng; 6 tháng 2022 ước đạt 161 tỷ đồng, tăng 2,9 lần so với cùng kỳ năm trước).

(8) Thu phí và lệ phí: Thực hiện 66 tỷ đồng, đạt 62,3% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 0,3% so với cùng kỳ.

(9) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện là 45 tỷ đồng, đạt 63,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 14% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoán sản do tinh cấp phép (6 tháng 2021 nộp 8,2 tỷ đồng; 6 tháng 2022 ước nộp 4,7 tỷ đồng, giảm 3,5 tỷ đồng).

(10) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện: Thực hiện 8 tỷ đồng, đạt 72,7% dự toán Trung ương và đạt 66,7% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 18,4% so với cùng kỳ.

**(11) Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý:** Thực hiện là 130,328 tỷ đồng, đạt 78,5% dự toán Trung ương và đạt 76,7% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 60,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu thu phạt an toàn giao thông, thu biện pháp tài chính khác vượt tiến độ.

**Bên cạnh đó, còn một số khoản thu chưa đạt dự toán như (04/15 khoản):**

**(1) Thuế bảo vệ môi trường:** Thực hiện 350 tỷ đồng, đạt 46,7% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, giảm 11% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: Triển khai thực hiện Nghị quyết 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn (ước giảm kỳ tính thuế tháng 5, 6 khoảng 70 tỷ đồng).

**(2) Thu tiền sử dụng đất:** Thực hiện là 610 tỷ đồng, đạt 55,5% dự toán Trung ương giao, đạt 40,7% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 22,2% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân do các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất của tỉnh chưa triển khai nên tiền sử dụng đất chưa đảm bảo so với dự toán được giao (48 tỷ/846 tỷ dự toán, đạt 5,6%).

**(3) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:** Thực hiện là 50 tỷ đồng, đạt 43,5% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, giảm 22,4% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do thực hiện gia hạn tiền thuê đất kỳ 1 năm 2022 theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ và dự kiến giao đất thu tiền thuê đất cho cả thời gian thuê của tỉnh triển khai chưa kịp theo tiến độ.

**(4) Thu xổ số kiến thiết:** Thực hiện là 58 tỷ đồng, đạt 41,4% dự toán Trung ương giao và đạt 39,5% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 22,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu giảm lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ ước nộp giảm 14,3 tỷ đồng so với cùng kỳ (lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 nộp 17,4 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 ước nộp 3,1 tỷ đồng).

### **1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu.**

Thực hiện là 21,9 tỷ đồng, chỉ đạt 5% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 97,7% so cùng kỳ.

Trong 6 tháng đầu năm 2022 có sự giảm đột biến số thu NSNN từ nguồn thu thuế GTGT mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án năng lượng điện. Nguyên nhân do các dự án điện gió đã hoàn thành việc nhập khẩu máy móc thiết bị chính, số thuế thu được chỉ phát sinh từ việc nhập khẩu các thiết bị phụ trợ hoặc thay thế, phục vụ cho công tác vận hành.

### **1.3. Tình hình thực hiện thu ngân sách đến 30/6/2022 của các huyện, thị xã, thành phố (phụ lục 02 kèm theo).**

- Kế cả tiền sử dụng đất: Có 16 đơn vị ước đạt và vượt dự toán đề ra gồm: Huyện Đức Cơ 118%; huyện Ia Pa 117,9%; huyện Chư Prông 106%; huyện Ia Grai 96,4%; huyện Đak Pơ 87,5%; huyện Kong Chro 78,4%; thị xã An Khê 66,3%; huyện Mang Yang 64,8%; thị xã Ayun Pa 64,3%; huyện KBang 61,1%; huyện Chư Puh 55,6%; huyện Phú Thiện 55,4%; huyện Chư Sê 53,8%; Văn phòng Cục Thuế 52,7%; thành phố Pleiku 52,2%; huyện Chư Păh 51,8%. Có 02 đơn vị ước chưa đạt dự toán đề ra gồm: Huyện Krông Pa 39,5%; huyện Đak Đoa 12,8%.

- Không kê tiền sử dụng đất: Có 15 đơn vị ước đạt và vượt dự toán đề ra gồm: Huyện Ia Grai 157,7%; huyện Đak Đoa 144,1%; huyện Chư Puh 121,6%; huyện Chư Prông 99,8%; huyện Chư Păh 94,2%; huyện Chư Sê 91,1%; huyện Đức Cơ 89,6%; huyện Mang Yang 83,5%; huyện Đak Pơ 75,9%; huyện Ia Pa 74,1%; huyện Kông Chro 69,8%; huyện KBang 66,9%; thành phố Pleiku 64,3%; thị xã Ayun Pa 56,5%; Văn phòng Cục Thuế 52,7%. Có 03 đơn vị ước chưa đạt dự toán đề ra gồm: Thị xã An Khê 47,9%; huyện Phú Thiện 45,8%; huyện Krông Pa 35,8%.

**Tình hình nợ thuế:** Theo Báo cáo của Cục Thuế tỉnh, tính đến thời điểm 30/6/2022, tổng nợ thuế toàn ngành 531,3 tỷ, giảm so với 31/12/2021 là 117,1 tỷ (giảm 18,6%); giảm 249,6 tỷ so với cùng kỳ (giảm 32%), trong đó:

- Nợ khó thu: 26,6 tỷ đồng<sup>3</sup>.

- Nợ chờ xử lý: 61,2 tỷ đồng, đang trình các cấp có thẩm quyền xử lý xóa nợ; nợ đang khiếu nại, khiếu kiện.

- Nợ có khả năng thu: 443,5 tỷ đồng<sup>4</sup>.

Tính đến thời điểm 30/6/2022, toàn tỉnh đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, thu nợ năm 2021 chuyển sang là 256,4 tỷ đồng.

## 2. Về chi NSDP (*phụ lục 01 kèm theo*).

Chi NSDP 6 tháng đầu năm 2022 thực hiện 5.774,2 tỷ đồng, bằng 50,8% dự toán Trung ương giao, đạt 43% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,3% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2022 là 13.433,9 tỷ đồng, đạt 103,2% dự toán Trung ương giao, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 9,6% so với cùng kỳ.

**2.1. Các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối NSDP:** Thực hiện 1.068,5 tỷ đồng, bằng 50,8% dự toán Trung ương giao, đạt 42,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 70,5% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2022 là 2.510,1 tỷ đồng, đạt 119,4% dự toán Trung ương giao, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao.

Công tác quyết toán dự án hoàn thành: Đến thời điểm 20/5/2022, tổng số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán là 256 dự án, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 583,6 tỷ đồng, giá trị quyết toán hoàn thành được phê duyệt 583,1 tỷ đồng, giá trị giảm trừ qua thẩm tra 0,5 tỷ đồng.

**2.2. Chi thường xuyên:** Thực hiện 4.016,5 tỷ đồng, đạt 43% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2022 là 9.573,9 tỷ đồng, đạt 102,5% dự toán Trung ương giao, đạt 102,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,2% so với cùng kỳ.

Năm 2022, tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay đầu năm để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 281,2 tỷ đồng (*gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 96,8 tỷ đồng; Ngân sách cấp huyện là 184,4 tỷ đồng*).

---

<sup>3</sup> Nợ khó thu của những năm trước chuyển sang, cơ quan thuế đang thẩm định hồ sơ để khoanh nợ, xóa nợ theo NQ94/QH14.

<sup>4</sup> Theo dõi đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo qui định bao gồm số nợ thuế do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 và gặp khó khăn về tài chính trong SXKD.

Đảm bảo kinh phí tổ chức Tuần lễ các sự kiện chào mừng 90 năm ngày thành lập tỉnh Gia Lai (24/5/1932- 24/5/2022) với số tiền 4,3 tỷ đồng; kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 từ đầu năm đến ngày 25/5/2022 đã tạm cấp là 50 tỷ đồng. Số kinh phí ngành y tế đã thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến ngày 25/5/2022 là 86,8 tỷ đồng; gồm: Kinh phí chi tiền lương, tiền công, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp đối với người lao động tại cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 (bao gồm cả người được điều động, huy động từ cơ sở khác đến) 23,25 tỷ đồng; chi phí cách ly y tế và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021, Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ và các văn bản liên quan khác là 19,4 tỷ đồng; chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân Covid-19 là 23,2 tỷ đồng; chi mua vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu, phương tiện bảo hộ cá nhân là 13 tỷ đồng; các khoản chi khác liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 là 6,5 tỷ đồng; kinh phí tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 là 1,49 tỷ đồng.

**2.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ:** Thực hiện là 687,6 tỷ đồng, đạt 51,1% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 6% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2022 là 1.344,8 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 21,9% so với cùng kỳ.

**2.4. Tình hình thực hiện chi NSDP đến 30/6/2022 của các huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục 03 kèm theo*):** Thị xã An Khê 55,2%; huyện KBang 53,3%; thị xã Ayun Pa 52,9%; huyện Chu Prông 51,7%; huyện Phú Thiện 50,5%; huyện Đức Cơ 48,7%; thành phố Pleiku 48,4%; huyện Chư Păh 48,4%; huyện Ia Pa 46,4%; huyện Ia Grai 46,1%; huyện Mang Yang 45,3%; huyện Kong Chro 45,2%; huyện Đak Pơ 42,7%; huyện Krông Pa 42,5%; huyện Chư Puh 39,9%; huyện Đak Đoa 39,6%; huyện Chư Sê 39,1%.

#### **Đánh giá chung:**

Tỉnh đã triển khai đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ trưởng Chính phủ thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tập trung rà soát các vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án trọng điểm; bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm sản lượng phát điện của các công ty thủy điện tăng, phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài cung cấp, lắp ráp máy móc thiết bị cho dự án điện gió; chuyển nhượng đất đai, ô tô, xe máy. Kết quả thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 đạt cao so tiến độ dự toán và tăng trưởng so với cùng kỳ.

Nhìn chung, việc triển khai dự toán chi cơ bản đảm bảo tiến độ, công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Rà soát, thực hiện tiết kiệm các khoản chi không cần thiết; thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

#### **II. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh có đến ngày 30/6/2022:**

Tổng nguồn dự phòng bù trích đầu năm 2022 là 241,06 tỷ đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 87,1 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện là 153,96 tỷ đồng.

Trong đó, nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh được sử dụng năm 2022 là 112,65 tỷ đồng: Nguồn dự phòng bù trích đầu năm 2022 là 87,1 tỷ đồng; bù sung nguồn dự phòng từ nguồn trung ương bù sung có mục tiêu năm 2022 là 25,55 tỷ đồng.

Số đã chi đến ngày 15/06/2022 là 49,72 tỷ đồng (*Chi tiết theo Phụ lục số 04 kèm theo*). Trong đó, đã tạm cấp cho phần kinh phí trung ương đảm bảo theo quy định là 3,9 tỷ đồng (kinh phí khắc phục hậu quả của bão, áp thấp nhiệt đới mưa lớn và hạn hán gây ra trong năm 2021 là 2,96 tỷ đồng; kinh phí để tổ chức Hội chợ triển lãm thương mại và giới thiệu sản phẩm OCOP khu vực Tây Nguyên - Gia Lai và giao thương doanh nghiệp Nhật Bản 2022 là 0,94 tỷ đồng). Sau khi trung ương bù sung có mục tiêu sẽ hoàn trả dự phòng ngân sách tỉnh. Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh còn lại là 66,8 tỷ đồng.

### **III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm 2022.**

#### **1. Về thu NSNN trên địa bàn.**

Trên cơ sở số thu thực hiện 6 tháng đầu năm, để bảo đảm nhiệm vụ thu ngân sách cả năm 2022 đạt và vượt dự toán được HĐND tỉnh giao và bảo đảm tỷ lệ tăng thu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025 từ 9% - 10% trở lên, phấn đấu tổng thu nội địa tăng 10% so với thực hiện năm 2021, đảm bảo cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi đã được HĐND quyết định kế hoạch đầu năm. Một số giải pháp như sau:

##### **1.1. Cục Thuế tỉnh:**

- Chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp điều hành của ngành, địa phương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022; đánh giá, phân tích cụ thể, nắm chắc nguồn thu trên từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế; triển khai thực hiện đầy đủ các giải pháp hỗ trợ cho người nộp thuế để phục hồi, tăng trưởng kinh tế sau dịch bệnh; giải quyết miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế kịp thời, đúng quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo điều hành công tác thu ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế. Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp quản lý nợ thuế; chủ động phối hợp cơ quan chức năng địa phương thu hồi nợ đọng thuế bảo đảm chỉ tiêu thu nợ thuế được giao.

##### **1.2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Thực hiện các giải pháp hiệu quả để cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án đầu tư trọng điểm; tăng cường công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư.

- Chủ động làm việc với các chủ đầu tư ngoài tỉnh để đề nghị chủ đầu tư thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh hạch toán độc lập tại tỉnh Gia Lai để thực hiện các nghĩa vụ đối với ngân sách địa phương trước khi cấp giấy chứng nhận đầu tư; tiếp tục phối hợp với cơ quan thuế thu hồi nợ đọng thuế đối với các nhà đầu tư còn nợ tiền thuế trước khi cấp giấy phép đầu tư hoặc chủ trương đầu tư.

- Thực hiện báo cáo kịp thời tiến độ thực hiện dự toán năm 2022 để phân tích, đánh giá nguồn thu, tiến độ thu để đề xuất, tham mưu điều hành ngân sách địa phương; tham mưu ban hành kịp thời các quy định về mức thu đối với các khoản phí, lệ phí, các quy định về giá đất,... thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh khi có sự thay đổi về chính sách, mức thu, bảo đảm phù hợp với thực tế, tránh thất thu về giá.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Rà soát điều chỉnh giá đất phù hợp với thực tế; tập trung giải quyết nhanh nhất các thủ tục về đất đai, xử lý các vướng mắc nhằm nâng cao chất lượng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan tài nguyên và môi trường với cơ quan thuế các cấp trong công tác quản lý các khoản thu đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh để chống thất thu ngân sách; thực hiện đúng quy định việc gia hạn thời gian hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước.

- Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thu hút đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo; cung cấp kịp thời cho cơ quan thuế thông tin các dự án đang triển khai hoặc đã hoàn thành; thông tin hoạt động kinh doanh bằng hình thức thương mại điện tử để cơ quan thuế làm cơ sở quản lý thu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn; phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan liên quan để kiểm soát chặt chẽ về giá cả hàng hóa, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép, phù hiệu hoạt động kinh doanh vận tải, phương tiện qua các trạm thu phí BOT, thông tin đăng kiểm của phương tiện kinh doanh vận tải để công tác quản lý thuế chặt chẽ, hiệu quả, chống thất thu trong kinh doanh vận tải.

- Đôn đốc giải ngân vốn xây dựng cơ bản, nguồn vốn sự nghiệp theo kế hoạch năm 2022 kịp thời, đúng quy định để thu thuế từ lĩnh vực xây dựng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp với cơ quan thuế trong việc thu hồi nợ đọng thuế.

- Tăng cường việc kiểm tra thực tế khai báo về giá, xuất xứ, mã số hàng hóa đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Làm việc với nhà đầu tư, đơn vị nhập khẩu vận động lập tờ khai, nộp thuế nhập khẩu cho tỉnh Gia Lai đối với máy móc, thiết bị, hàng hóa nhập khẩu của dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Yêu cầu các tổ chức hành nghề công chứng, UBND cấp xã, các cơ quan nhà nước liên quan hướng dẫn người dân, chủ đầu tư dự án bất động sản, doanh

nghiệp kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản kê khai trên hợp đồng chuyển nhượng theo giá thực tế mua bán, để làm căn cứ tính thuế theo quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý việc cấp biển số kinh doanh vận tải (biển số vàng) để cơ quan thuế quản lý thu thuế; tăng cường công tác quản lý thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông; việc dán tem cột bơm tại các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn; triển khai các quy định về thuế liên quan đến các trường học, bệnh viện trực thuộc sở.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Tập trung tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2022.

+ Chỉ đạo các phòng, ban chức năng, UBND xã, phường, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế thực hiện các giải pháp quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, góp phần tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

+ Chỉ đạo các phòng chức năng, UBND cấp xã phối hợp Chi cục Thuế xác định tài sản trên đất để quản lý thuế khi tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đất đai; yêu cầu các đơn vị tham gia đấu thầu các dự án thực hiện xác nhận nợ thuế trước khi tham gia đấu giá, đấu thầu để cơ quan thuế thu hồi nợ đọng thuế.

## 2. Về công tác quản lý chi NSDP.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển, đổi mới với các công trình, dự án bồi trí từ nguồn sử dụng đất thực hiện giải ngân theo tiến độ; đôn đốc quyết toán dự án hoàn thành.

- Thực hiện quản lý các khoản chi đúng chế độ, định mức quy định, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách.

- Căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh việc tiết kiệm chi thường xuyên để có nguồn bổ sung cho hoạt động phòng, chống dịch, mua vắc xin và các yêu cầu khẩn cấp khác. Thực hiện nghiêm chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát các khoản kinh phí tiết kiệm được trong quá trình thực hiện do không chi hết dự kiến từ nay đến cuối năm 2022, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán, và kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán và tổng quyết toán NSDP năm 2021 theo đúng quy định của Luật NSNN. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm toán NSDP năm 2021.

- Tăng cường trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước trong công tác kiểm soát chi thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

*Nơi nhận:* Hà

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XII;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**Hồ Phước Thành**



**BÁO CÁO**  
**BIỂU TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số 79 /BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán BTCgiao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện đến 30/6/2021	Thực hiện cả năm 2021	Ước lũy kế thực hiện đến 30/6/2022	(% ) ước thực hiện 6 tháng		
	1	2	3	4	5	6=5/1	7=5/2	8=5/3
<b>A</b>								
<b>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>5.415.000</b>	<b>5.827.000</b>	<b>3.571.322</b>	<b>7.881.646</b>	<b>3.056.000</b>	<b>56,4%</b>	<b>52,4%</b>	<b>85,6%</b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>5.015.000</b>	<b>5.427.000</b>	<b>2.699.074</b>	<b>5.761.894</b>	<b>3.034.100</b>	<b>60,5%</b>	<b>55,9%</b>	<b>112,4%</b>
<i>Thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cỗ tức và lợi nhuận còn lại</i>	<i>3.775.000</i>	<i>3.780.000</i>	<i>2.121.220</i>	<i>4.364.613</i>	<i>2.364.428</i>	<i>62,6%</i>	<i>62,6%</i>	<i>111,5%</i>
<b>1. Cục thuế quản lý thu</b>	<b>4.849.000</b>	<b>5.257.000</b>	<b>2.617.843</b>	<b>5.584.250</b>	<b>2.903.672</b>	<b>59,9%</b>	<b>55,2%</b>	<b>110,9%</b>
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	745.000	745.000	400.144	907.975	430.000	57,7%	57,7%	107,5%
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	50.000	50.000	27.392	50.604	27.000	54,0%	54,0%	98,6%
1.3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	40.000	40.000	69.631	306.450	100.000	250,0%	250,0%	143,6%
1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.210.000	1.210.000	647.182	1.291.716	718.000	59,3%	59,3%	110,9%
1.5. Lệ phí trước bạ	230.000	230.000	129.363	246.847	155.000	67,4%	67,4%	119,8%
1.6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			319	637	1.100			344,8%
1.7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000	2.821	7.594	3.000	50,0%	50,0%	106,3%
1.8. Thuế thu nhập cá nhân	275.000	275.000	179.570	300.094	280.000	101,8%	101,8%	155,9%
1.9. Thuế Bảo vệ môi trường	750.000	750.000	393.335	722.033	350.000	46,7%	46,7%	89,0%
1.10. Thu phí và lệ phí	106.000	106.000	65.793	113.776	66.000	62,3%	62,3%	100,3%
1.11. Tiền sử dụng đất	1.100.000	1.500.000	499.198	1.265.862	610.000	55,5%	40,7%	122,2%
1.12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	115.000	115.000	64.457	142.458	50.000	43,5%	43,5%	77,6%
1.13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			908	909	900			99,1%
1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	71.000	71.000	52.317	81.684	45.000	63,4%	63,4%	86,0%
1.15. Thu cỗ tíc và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN			-	532	1.672			
1.16. Thu Xô sô kiến thiết	140.000	147.000	78.656	130.887	58.000	41,4%	39,5%	73,7%
1.17. Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	11.000	12.000	6.757	14.194	8.000	72,7%	66,7%	118,4%
<b>2. Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý</b>	<b>166.000</b>	<b>170.000</b>	<b>81.230</b>	<b>177.644</b>	<b>130.428</b>	<b>78,6%</b>	<b>76,7%</b>	<b>160,6%</b>
2.1. Thu từ quỹ đất công ích và thu lợi công sản khác	3.200	3.200	1.565	2.993	1.100	34,4%	34,4%	70,3%
2.2. Thu phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	46.000	46.000	23.996	36.283	29.100	63,3%	63,3%	121,3%
2.3. Thu biện pháp tài chính khác	116.800	120.800	55.669	138.367	100.228	85,8%	83,0%	180,0%
<b>II. Thuế XK, NK, TTĐB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu</b>	<b>400.000</b>	<b>400.000</b>	<b>872.248</b>	<b>2.114.126</b>	<b>21.900</b>	<b>5,5%</b>	<b>5,5%</b>	<b>2,5%</b>
<b>III. Thu viện trợ</b>				<b>5.626</b>				
<b>B. Chi ngân sách địa phương</b>	<b>13.022.891</b>	<b>13.433.891</b>	<b>5.049.674</b>	<b>12.258.622</b>	<b>5.774.229</b>	<b>44,3%</b>	<b>43,0%</b>	<b>114,3%</b>
1. Chi đầu tư phát triển	2.103.110	2.510.110	626.900	2.150.791	1.068.558	50,8%	42,6%	170,5%
2. Chi thường xuyên	9.337.037	9.330.817	3.772.200	8.383.518	4.016.580	43,0%	43,0%	106,5%
3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ Tài chính	1.400	1.400	1.400	2.550	1.400	100,0%	100,0%	100,0%

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện đến 30/6/2021	Thực hiện cả năm 2021	Ước lũy kế thực hiện đến 30/6/2022	(% ) ước thực hiện 6 tháng		
						So với dự toán BTC giao	So với dự toán HĐND tỉnh giao	So cùng kỳ năm trước
A	1	2	3	4	5	6=5/1	7=5/2	8=5/3
4. Chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương	-	2.000						
5. Chi dự phòng ngân sách	232.845	241.065						
6. Chi trả nợ lãi vay	3.654	3.654	438	616	91	2,5%	2,5%	20,8%
7. Chi bổ sung có mục tiêu, chương trình MTQG	1.344.845	1.344.845	648.736	1.721.146	687.600	51,1%	51,1%	106,0%



**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/06/2022 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
 (Kèm theo Báo cáo số 19 /BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)

Phụ lục 2

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2022					Ước thực hiện đến ngày 30/06/2022					% Thực hiện so với dự toán						
		Dự toán giao (kể cả tiền sử dụng đất)	Dự toán giao (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		Tổng thu NSNN (kể cả tiền sử dụng đất)	Tổng thu NSNN (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		% so với dự toán năm (kể cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế (kể cả tiền sử dụng đất)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)
A	B	1=2+3	1a = 2+5	2	3=4+5	4	5	6 = 7+8	6a=7+10	7	8=9+10	9	10	11=6/1	11a=6a/1a	12=7/2	13 = 8/3	14=10/5
1	Chư Sê	103.330	53.330	6.330	97.000	50.000	47.000	55.603	48.603	2.106	53.497	7.000	46.497	53,8%	91,1%	33,3%	55,2%	98,9%
2	Chư Păh	47.210	22.210	3.210	44.000	25.000	19.000	24.473	20.920	1.591	22.882	3.553	19.329	51,8%	94,2%	49,6%	52,0%	101,7%
3	Phú Thiện	30.080	27.080	3.280	26.800	3.000	23.800	16.650	12.400	2.310	14.340	4.250	10.090	55,4%	45,8%	70,4%	53,5%	42,4%
4	Ia Grai	66.770	32.770	3.070	63.700	34.000	29.700	64.392	51.691	3.683	60.709	12.701	48.008	96,4%	157,7%	120,0%	95,3%	161,6%
5	Mang Yang	25.720	17.720	2.320	23.400	8.000	15.400	16.673	14.802	1.930	14.743	1.871	12.872	64,8%	83,5%	83,2%	63,0%	83,6%
6	KBang	45.820	38.820	3.820	42.000	7.000	35.000	27.975	25.975	2.486	25.489	2.000	23.489	61,1%	66,9%	65,1%	60,7%	67,1%
7	An Khê	128.975	63.650	5.850	123.125	65.325	57.800	85.500	30.500	3.000	82.500	55.000	27.500	66,3%	47,9%	51,3%	67,0%	47,6%
8	Krông Pa	40.310	30.310	5.210	35.100	10.000	25.100	15.942	10.842	2.700	13.242	5.100	8.142	39,5%	35,8%	51,8%	37,7%	32,4%
9	IaPa	18.060	16.460	2.010	16.050	1.600	14.450	21.300	12.200	1.200	20.100	9.100	11.000	117,9%	74,1%	59,7%	125,2%	76,1%
10	Đăk Pơ	29.500	21.500	2.300	27.200	8.000	19.200	25.806	16.327	911	24.895	9.479	15.416	87,5%	75,9%	39,6%	91,5%	80,3%
11	Đức Cơ	54.590	30.590	3.590	51.000	24.000	27.000	64.400	27.400	2.400	62.000	37.000	25.000	118,0%	89,6%	66,9%	121,6%	92,6%
12	Đăk Đoa	422.280	35.680	3.480	418.800	386.600	32.200	54.182	51.399	2.710	51.472	2.783	48.689	12,8%	144,1%	77,9%	12,3%	151,2%
13	AyunPa	128.750	121.250	6.000	122.750	7.500	115.250	82.779	68.524	1.790	80.989	14.255	66.734	64,3%	56,5%	29,8%	66,0%	57,9%
14	Chư Prông	56.590	41.590	2.590	54.000	15.000	39.000	60.000	41.500	2.750	57.250	18.500	38.750	106,0%	99,8%	106,2%	106,0%	99,4%
15	Chư Puh	63.830	23.830	3.530	60.300	40.000	20.300	35.480	28.980	3.780	31.700	6.500	25.200	55,6%	121,6%	107,1%	52,6%	124,1%
16	Pleiku	1.374.110	561.110	19.110	1.355.000	813.000	542.000	716.763	360.585	7.439	709.324	356.178	353.146	52,2%	64,3%	38,9%	52,3%	65,2%
17	Kông Chro	20.535	18.560	3.560	16.975	1.975	15.000	16.098	12.964	1.841	14.257	3.134	11.123	78,4%	69,8%	51,7%	84,0%	74,2%
18	Văn phòng Cục	3.170.540	3.170.540	90.740	3.079.800		3.079.800	1.671.984	1.671.984	85.801	1.586.183		1.586.183	52,7%	52,7%		51,5%	51,5%
T.tđo: XNK		400.000	400.000		400.000		400.000	21.900	21.900		21.900		21.900	5,5%	5,5%			5,5%
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.827.000</b>	<b>4.327.000</b>	<b>170.000</b>	<b>5.657.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>4.157.000</b>	<b>3.056.000</b>	<b>2.507.596</b>	<b>130.428</b>	<b>2.925.572</b>	<b>548.404</b>	<b>2.377.168</b>					

**TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
**(Kèm theo Báo cáo số 79 /BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)**

UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng chi NS huyện - xã	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2022					Ước thực hiện đến ngày 30/06/2022					% Thực hiện/Dự toán	Dự phòng ngân sách	
			Gồm					Tổng chi NS huyện- xã	Gồm						
			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Trong đó	SN GD - ĐT và DN (2)	SN KHCN		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (1)	Trong đó	SN GD - ĐT và DN (2)	SN KHCN		
A	B	I=2+3+7	2	3	4	5	7	8=9+10+	9	10	11	12	14=8/1	•	
1	Chư Sê	524.984	75.583	437.818	239.488	500	10.478	205.304	21.751	183.553	87.035	-	39,1%	9.806	
2	Chư Păh	411.546	45.639	355.312	176.671	400	8.183	199.000	25.000	174.000	92.076	-	48,4%	2.500	
3	Phú Thiện	343.327	22.395	313.409	173.494	400	6.853	173.312	11.948	161.364	76.806	-	50,5%	1.807	
4	Ia Grai	479.244	55.363	412.643	227.196	400	9.551	220.800	19.800	201.000	102.000	200	46,1%	2.165	
5	Mang Yang	354.163	29.288	316.908	175.100	400	7.065	160.450	21.000	139.450	79.664	-	45,3%	5.202	
6	KBang	392.031	29.526	354.435	202.805	400	7.836	208.762	49.500	159.262	90.830	359	53,3%	0	
7	An Khê	382.864	81.867	293.110	142.605	500	7.653	211.500	56.500	155.000	75.000	350	55,2%	1.068	
8	Krông Pa	467.977	35.411	421.034	222.240	400	9.315	198.704	15.952	182.752	97.791	20	42,5%	750	
9	IaPa	306.003	23.036	274.851	140.427	400	6.079	142.028	18.400	123.628	63.459	270	46,4%	-	
10	Đăk Pơ	256.345	23.437	227.552	103.840	400	5.122	109.539	9.226	100.313	40.070	9	42,7%	992	
11	Đức Cơ	424.979	42.954	372.001	199.202	400	8.468	207.000	27.000	180.000	90.000	50.000	48,7%	1.200	
12	Đăk Đoa	513.994	75.777	425.358	224.375	400	10.227	203.532	13.100	190.432	107.100	-	39,6%	0	
13	AyunPa	252.951	29.827	217.836	87.465	500	5.054	133.745	33.849	99.896	41.774	-	52,9%	1.000	
14	Chư Prông	559.198	41.869	501.791	265.881	400	11.095	289.200	23.000	266.200	136.800	-	51,7%	2.367	
15	Chư Puh	372.355	55.453	307.125	162.384	400	7.400	148.725	19.603	129.122	59.421	-	39,9%	3.200	
16	Pleiku	1.336.167	453.988	853.266	392.447	600	26.679	646.161	229.361	416.800	174.939	-	48,4%	-	
17	Kông Chro	345.984	27.228	310.788	163.455	400	6.898	156.343	27.735	128.608	68.036	22	45,2%	2.026	
	Tổng cộng	7.724.112	1.148.641	6.395.237	3.299.075	7.300	153.956	3.614.105	622.725	2.991.380	1.482.801	51.230	-	34.083	

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022**  
*(Kèm theo Báo cáo số 79 /BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)*

Số	Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Đơn vị tính: Đồng	
				Số quyết định	Ngày
A	<b>Nguồn Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2022</b>				
I	<b>Tổng nguồn Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2022</b>		<b>112.650.800.000</b>		
1	Nguồn dự phòng bù trừ đầu năm 2022: 87.109 triệu đồng		87.109.000.000		
2	Bổ sung nguồn dự phòng từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 (kinh phí để thực hiện 1 số chính sách đặc thù trong phòng chống dịch Covid -19): 25.541,8 triệu đồng.		25.541.800.000		
II	<b>Số kinh phí đã có quyết định phân bổ</b>		<b>49.729.250.000</b>		
1.1	Tạm cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP-Các đối tượng theo QĐ 441/QĐ-UBND (phân NS tinh đam bảo 70%) đợt 47	Các huyện, thị xã: Chu Puh, An Khê, Phú Thiện, Chu Prông, Chu Sê	154.350.000	30/TB-STC	13/1/2022
1.2	Tạm cấp kinh phí hỗ trợ các đối tượng theo Nghị quyết 68/2021/NQ-CP (đợt 3) phân NS địa phương đam bảo 20%	Sở Y tế	505.710.000		
1.9		Khách sạn Tre xanh	71.448.000	11/QĐ-UBND	7/1/2022
1.10	Tạm cấp kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 năm 2022 đợt 1	Khách sạn Pleiku	29.768.000		
1.11	Tạm cấp kinh phí hỗ trợ các đối tượng theo Nghị quyết 68/2021/NQ-CP (đợt 3) phân NSTW đam bảo 80%	Sở Y tế (VP UBND tỉnh)	37.009.000.000	91/QĐ-UBND	21/1/2022
1.12	Tạm cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP-Các đối tượng theo QĐ 441/QĐ-UBND (phân NS tinh đam bảo 70%) đợt 48	Các huyện, thành phố: Ia Grai, Pleiku, Phú Thiện, Chu Prông, Chu Sê	10.528.000	11/QĐ-UBND	7/1/2022
1.13	Tổ chức gặp mặt nhân Kỷ niệm 67 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/21955-27/2/2022)	Sở Y tế	43.600.000	192/QĐ-UBND	1/3/2022
1.14	Tạm cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP-Các đối tượng theo QĐ 441/QĐ-UBND (phân NS tinh đam bảo 70%) đợt 49	Huyện Chu Sê	69.300.000	77/TB-STC	3/3/2022
1.15	Tạm cấp kinh phí hỗ trợ khắc phục thiên tai do mưa, bão, áp thấp nhiệt đới gây ra 10 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	176.740.000	195/QĐ-UBND	4/3/2022
1.16	Hỗ trợ tiền ăn tăng thêm cho các tiêu đội dân quân thường trực năm 2022	Các huyện, thị xã, thành phố	226.110.000	230/QĐ-UBND	23/3/2022
1.17	Hỗ trợ cho 02 Doanh nghiệp thuộc Hiệp hội Du lịch tỉnh tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam -VITM Hanoi 2022	Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch	44.500.000	266/QĐ-UBND	6/4/2022
1.18	Hỗ trợ tổ chức Hội nghị "Phát triển sản xuất sắn bền vững"	Sở Nông nghiệp và PTNT	43.500.000	274/QĐ-UBND	8/4/2022
1.19	Phục vụ tổ chức họp báo về Tuần lễ các sự kiện chào mừng 90 năm ngày thành lập tỉnh Gia Lai (24/5/1932-24/5/2022)	Sở Thông tin và Truyền thông	90.395.000	275/QĐ-UBND	9/4/2022
1.20	Hội nghị quán triệt, triển khai Chương trình hành động thực hiện NQ Đại hội XIII của Đảng; NQ Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam	BĐĐ Hội người cao tuổi tỉnh	20.800.000	285/QĐ-UBND	12/4/2022
1.21	Mua sắm dụng cụ, phương tiện phục vụ công tác nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn cứu hộ	Công an tỉnh	324.600.000	307/QĐ-UBND	25/4/2022
1.22	Tổ chức Tuần lễ các sự kiện chào mừng 90 năm Ngày thành lập tỉnh Gia Lai	Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch	1.000.000.000	310/QĐ-UBND	26/4/2022
1.23		Sở Công Thương	937.500.000		
1.24	Tổ chức Hội nghị giao ban Liên hiệp Hội các tỉnh khu vực Tây Nguyên mở rộng năm 2022	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	24.700.000	308/QĐ-UBND	25/4/2022
1.25	Tổ chức Đoàn cán bộ của tỉnh đi thăm huyện đảo Trường Sa, Nhà sản DK 1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	650.000.000	321/QĐ-UBND	5/5/2022
1.26		Sở Kế hoạch và Đầu tư	118.100.000		
1.31		Sở Công Thương	300.000.000		
1.32		Sở Ngoại vụ	163.000.000		
1.33		Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch	927.360.000		
1.34		Văn phòng UBND tỉnh	124.105.000		
1.35		Sở Y tế	18.209.000		
1.36		Đài Phát thanh -Truyền hình	459.811.000		
1.37	Tổ chức Tuần lễ các sự kiện chào mừng 90 năm Ngày thành lập tỉnh Gia Lai	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	345.800.000	340/QĐ-UBND	10/5/2022

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú	
				Số quyết định	Ngày
1.38	Tạm ứng Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT	183.100.000		
1.39		Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	771.649.000		
1.40		Báo Gia Lai	382.193.000		
1.41		Công an tỉnh	267.000.000		
1.42		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	70.934.000		
1.43		Bộ CH Biên phòng tỉnh	50.000.000		
1.44		UBND thành phố Pleiku	307.200.000		
1.45	Tạm cấp kinh phí để đảm bảo kinh phí cho lực lượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19 tại Khu cách ly Trung tâm Huấn luyện du lịch động viên/Binh đoàn 15	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	102.610.000	348/QĐ-UBND	16/5/2022
1.46	Phục vụ việc phối hợp với Đoàn Hiệp hội Du lịch Việt Nam khảo sát sản phẩm, dịch vụ du lịch tại tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	32.800.000	346/QĐ-UBND	16/5/2022
1.47	KP khắc phục hậu quả của bão, áp thấp nhiệt đới mưa lớn và hạn hán gây ra trong năm 2021 (phản NS địa phương đảm bảo 80%)	Các huyện, thị xã, thành phố	593.900.000	348/QĐ-UBND	16/5/2022
1.48	Tạm cấp từ nguồn dự phòng (30% phản kp ngân sách TW đảm bảo chưa cấp - khi TW bổ sung hoàn trả lại NS tỉnh) khắc phục hậu quả của bão, áp thấp nhiệt đới mưa lớn và hạn hán gây ra trong năm 2021		2.969.480.000		
1.49	Tham gia Diễn đàn kinh tế tập thể, HTX khu vực miền Trung - Tây nguyên tại tỉnh Quảng Nam	Liên minh HTX tỉnh	44.500.000	353/QĐ-UBND	17/5/2022
<b>III</b>	<b>Số còn lại đến 15/06/2022</b>		<b>62.921.550.000</b>		